

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 10-02-2023

V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thực

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Văn Cảnh

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 277/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị G, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:* ông Phạm Văn Y, sinh năm 1967; địa chỉ: số 50 Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020).

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; địa chỉ: số 807 ấp B1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955

2. Bà Hà Thị S, sinh năm 1954

3. Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1983

4. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981

5. Ông Nguyễn Hải A, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn, bà Phạm Thị G.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị G và người đại diện ủy quyền của bà G, ông Phạm Văn Y trình bày:*

Bà G và ông Nguyễn Văn N chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 12/01/1983. Ông bà có hai con chung tên Nguyễn Hải A, sinh năm 1983 và Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1985. Năm 2015, ông bà phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, chi tiêu trong gia đình. Ông N đuổi bà ra khỏi nhà, bà đến sống tại nhà con gái tên Nguyễn Ngọc S. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: bà xác định tài sản chung của bà và ông N gồm có thửa đất số 2682, diện tích 292,3m<sup>2</sup>, loại đất ONT, trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích nhà ngang 7,7m, dài 18,7m; thửa đất số 2683, diện tích 55m<sup>2</sup>, loại đất BHK và thửa đất số 1062, diện tích 277,5m<sup>2</sup>, loại đất LUA, trên đất có căn nhà cấp 4, các thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 08, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nguồn gốc thửa đất số 2682, 2683 và căn nhà cấp 4 trên đất có được là do bà bán đất của cha mẹ cho được 50 lượng vàng SJC, bà giao cho ông N 42 lượng vàng để mua thửa đất số 2682, 2683 của vợ chồng Ông T và Bà S, trị giá 12 lượng vàng, số vàng còn lại ông N mua đất ở xã Đ1. Thửa đất số 1062 và căn nhà cấp 4 trên đất có được là do ông N lãnh tiền đền bù đất tại Khu công nghiệp Tân Đức, đất được cha mẹ chồng cho.

Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án chia đôi số tài sản trên. Bà xin nhận thửa đất số 1062 và căn nhà cấp 4 trên đất. Nếu như nhà và đất bà được nhận có giá trị cao hơn, bà sẽ hoàn phần chênh lệch bằng tiền cho ông N.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Phạm Thị G về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, con chung và nợ chung. Nay bà G yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung đã trưởng thành.

Ông không đồng ý yêu cầu của bà G về chia tài sản chung, bởi vì, giữa ông với bà G không có tài sản chung.

Trước đây, ông được cha mẹ ruột cho thừa đất số 83, 97 tờ bản đồ số 11, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sau đó bị Nhà nước thu hồi vì quy hoạch Khu công nghiệp Tân Đức. Ông được đền bù 02 lần tiền: lần 1 là 263.402.000 đồng và lần 02 là 776.764.000 đồng. Ông lấy tiền đền bù mua các thửa đất số 2682, 2683, 1062 và xây 02 căn nhà nói trên. Bà G không có đóng góp công sức tiền của gì, số tiền mà bà G được cha mẹ cho đã mua lại thửa đất tại xã Đ1, sau đó bà G bán lấy tiền cho vay nhưng bị lừa gạt hết. Thửa số 2682 và 2683, bà G cấu kết với dịch vụ làm giấy và mạo danh chữ ký của ông trong Hợp đồng tặng cho của Ông T và Bà S để được đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/02/2015.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Ông Nguyễn Đăng V và Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:* hiện nay ông bà có thuê căn nhà gắn liền với đất thửa đất số 1062 tờ bản đồ số 08, xã Đ diện tích 277,5m<sup>2</sup>, loại đất LUA do ông Nguyễn Văn N đứng tên với giá 6.000.000 đồng/tháng và trả tiền hằng tháng. Ông bà xác định không có tranh chấp gì nhà đất này. Khi nào ông N có nhu cầu lấy lại thì ông bà sẽ trả. Ông bà xin xét xử vắng mặt.

*Ông Nguyễn Hải A trình bày:* trước đây ông có khởi kiện yêu cầu cha mẹ ông hoàn trả tài sản của ông xây trên đất thửa số 2682 và 2683 tờ bản đồ số 08, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ngày 02/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, Ông A đã rút lại yêu cầu.

*Ông Nguyễn Văn T và Bà Hà Thị S xác định:* ông bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai thửa số 2682 và 2683 tờ bản đồ số 08, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho bà G và ông N, do ông N đứng tên giấy tay mua bán, đến khi làm hợp đồng thì làm hợp đồng tặng cho bà G và ông N. Ông bà xác định không có tranh chấp gì đất này với ông N và bà G và xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 277/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử:

*1. Về hôn nhân: bà Phạm Thị G được ly hôn ông Nguyễn Văn N.*

*2. Về con chung: ông N và bà G có 02 con chung tên Nguyễn Hải A, sinh năm 1983 và Nguyễn Ngọc S sinh năm 1985 (cả hai trưởng thành) không đề cập xem xét.*

*3. Về tài sản: ông Nguyễn Văn N được sở hữu toàn bộ nhà gắn liền với đất và quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 2682, 2683 và 1062 tờ bản đồ số 08, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí nhà đất được đính kèm Mạnh trích đo địa chính số 199-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa lập ngày 26/8/2022 và Mạnh trích đo địa chính số 120-2022 ngày 26/8/2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa lập. Ông N được liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động đứng tên quyền sử dụng các thửa đất nói trên.*

*Buộc bà Nguyễn Thị G phải giao nộp lại cơ quan có thẩm quyền bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 2682, 2683 tờ bản đồ số 08 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.*

*Ông N có nghĩa vụ giao lại bà Phạm Thị G 2.513.858.348 đồng (hai tỷ năm trăm mười ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).*

*Bà Phạm Thị G được sở hữu 2.513.858.348 đồng (do ông N có trách nhiệm giao lại).*

*4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải giao nhà đất tại thửa số 1062 tờ bản đồ số 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.*

*5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện Ông Nguyễn Hải A về việc yêu cầu bà G và ông N bồi thường tài sản gắn liền thửa đất số 2682 và 2683 tờ bản đồ số 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Hậu quả việc đình chỉ: Ông A có quyền khởi kiện lại.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2022, nguyên đơn, bà Phạm Thị G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phương thức chia tài sản chung.

Tại Quyết định kháng nghị số 473/QĐ-VKS-DS ngày 22/9/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà G. Hiện nay, bà G đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 2682 và 2683, còn ông giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1062.

#### **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Phạm Thị G và kháng nghị của Viện kiểm sát đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo và kháng nghị: bà Phạm Thị G hiện nay không có nhà ở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà G và kháng nghị của Viện kiểm sát, chia tài sản chung của ông N và bà G bằng hiện vật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của nguyên đơn, bà Phạm Thị G thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An không rút kháng nghị. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Các đương sự còn lại trong vụ án không có kháng cáo. Ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị G không kháng cáo về việc xác định tài sản chung và tỷ lệ phân chia tài sản chung. Viện kiểm sát kháng nghị và bà Phạm Thị G chỉ kháng cáo bản án sơ thẩm về phương thức phân chia tài sản. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần phương thức chia tài sản của bản án sơ thẩm.

[4] Theo đơn kháng cáo của bà Phạm Thị G và tại Quyết định kháng nghị số 473/QĐ-VKS-DS ngày 22/9/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, chia tài sản cho bà G bằng hiện vật.

[5] Hồ sơ vụ án thể hiện, ông N hiện đang sinh sống tại căn nhà cất trên thửa đất số 2682; còn căn nhà cất trên thửa số 1062 thì ông N đang cho Bà Nguyễn Thị Thu H và Ông Nguyễn Đăng V thuê để kinh doanh. Trong khi đó, bà Phạm Thị G đang ở nhờ nhà của con gái là bà Nguyễn Ngọc S.

[6] Tại điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;

...”

[7] Tại khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.”*

[8] Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung cho ông N được nhận toàn bộ bằng hiện vật và thanh toán tiền cho bà G là không đúng các quy định pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, không đảm bảo nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, cụ thể là không đảm bảo điều kiện về nơi ở cho bà G.

[9] Vì vậy, kháng cáo của bà G, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận, cần chia tài sản cho bà G và ông N bằng hiện vật.

[10] Các đương sự đồng ý với giá trị tài sản được xác định bởi Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn H tại Chứng thư thẩm định giá số 236/18/08/2022/TĐG LA-BDS ngày 18/08/2022, giá trị công trình vật kiến trúc có

trên thửa đất số 1062 và hai thửa số 2682, 2683 lần lượt là 174.065.752 đồng và 378.537.618 đồng; theo Chứng thư thẩm định giá số 262/29/08/2022/TĐG LA-BDS ngày 29/08/2022, giá trị quyền sử dụng đất thửa số 1062 là 7.951.000 đồng/m<sup>2</sup>, thửa số 2682 là 8.220.000 đồng/m<sup>2</sup>, thửa số 2683 là 5.068.000 đồng/m<sup>2</sup>.

[11] Các đương sự đồng ý với diện tích đo đạc thực tế của thửa số 1062, 2682 và 2683 theo các Mẫu trích đo bản đồ địa chính số 119-2022 và số 120-2022 cùng ngày 26/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa (bút lục 239, 237), trong đó diện tích thửa số 1062 là 277,5m<sup>2</sup>, thửa số 2682 là 392,3m<sup>2</sup> và thửa số 2683 là 55m<sup>2</sup>.

[12] Tổng giá trị tài sản chung của ông N và bà G (gồm giá trị quyền sử dụng của 03 thửa đất số 1062, 2682 và 2683 cùng công trình, vật kiến trúc có trên đất) là 6.262.451.870 đồng, trong đó bà G được chia 40% là 2.504.980.748 đồng, ông N được chia 60% là 3.757.471.122 đồng.

[13] Bà G được nhận thửa số 1062 và căn nhà, vật kiến trúc có trên đất có tổng giá trị là 2.380.468.252 đồng; ông N được nhận 02 thửa số 2682 và 2683 cùng căn nhà, vật kiến trúc gắn liền với đất có tổng giá trị là 3.881.983.618 đồng nên phải thanh toán cho bà G phần chênh lệch là 124.512.096 đồng, quy tròn là 124.512.000 đồng.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không cần thiết phải ghi trong phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bà Phạm Thị G không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 26, Điều 28, Điều 39, Điều 147 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 38, Điều 42, Điều 56, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 95, Điều 100 và Điều 166 của Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm 277/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần chia tài sản chung.

3. Về hôn nhân: bà Phạm Thị G được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

4. Về con chung: xác định ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị G có 02 con chung tên Nguyễn Hải Âu, sinh năm 1983 và Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1985.

5. Về tài sản:

5.1. Ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ nhà và vật kiến trúc gắn liền với đất thuộc các thửa số 2682 và 2683 tờ bản đồ số 08, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí nhà đất được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 120-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa lập ngày 26/8/2022.

5.2. Bà Phạm Thị G được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ nhà và vật kiến trúc gắn liền với đất thuộc thửa số 1062 tờ bản đồ số 08, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí nhà đất được đính kèm Mảnh trích đo địa chính số 119-2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa lập ngày 26/8/2022.

6. Bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ nộp cho cơ quan có thẩm quyền bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 584283 ngày 21/3/2008 do UBND huyện Đức Hòa cấp cho ông Nguyễn Văn N, 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 992008 và số BY 992009 ngày 05/02/2015 do UBND huyện Đức Hòa cấp cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị G để được cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích đất đã được chia tài sản chung.

7. Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng diện tích đất đã được chia tài sản chung.

8. Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp để cấp mới cho các đương sự theo đúng diện tích đất đã được chia tài sản chung.

9. Buộc ông Nguyễn Văn N, Ông Nguyễn Đăng V và Bà Nguyễn Thị Thu H liên đới giao cho bà Phạm Thị G nhà và đất tại thửa số 1062 tờ bản đồ số 8 xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

10. Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán bà Phạm Thị G số tiền 124.512.000 (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

11. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện Ông Nguyễn Hải A về việc yêu cầu bà G và ông N bồi thường tài sản gắn liền thửa đất số 2682 và 2683 tờ bản đồ số 8, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hậu quả việc đình chỉ: Ông A có quyền khởi kiện lại.

12. Về chi phí thẩm định, định giá, giám định và lập bản vẽ tổng cộng là 38.684.000 đồng: buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu 23.210.400 (hai mươi ba triệu hai trăm mười nghìn bốn trăm) đồng, bà Phạm Thị G phải chịu 15.473.600 (mười lăm triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm) đồng. Bà Phạm Thị G đã nộp xong. Buộc ông Nguyễn Văn N phải nộp 23.210.400 (hai mươi ba triệu hai trăm mười nghìn bốn trăm) đồng để hoàn trả cho bà Phạm Thị G.

13. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

14. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị G và ông Nguyễn Văn N được miễn án phí. Hoàn trả 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí cho Ông Nguyễn Hải A theo biên lai số 0004475 ngày 08/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

15. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Phạm Thị G không phải chịu.

16. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

17. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 10/02/2023 (ngày mười tháng hai năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ngọc Hoàng Đình Thục**